

TỜ TRÌNH

**Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020
và năm 2020 (vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh)
(Tài liệu trình tại kỳ họp thứ 13 - HĐND tỉnh khoá XVI)**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2016-2020 và kết quả thực hiện vốn hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND, UBND tỉnh giao chi tiết cho các chương trình, dự án;

Căn cứ khả năng thu tiền sử dụng đất cả năm 2020 điều tiết về ngân sách tỉnh và theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 và năm 2020 (vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh) như sau:

1. Tóm tắt kế hoạch vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2016-2020 và kế hoạch hàng năm đã giao trong giai đoạn 2016-2020

1.1. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSDP 5 năm 2016-2020:

Tổng vốn 5 năm 2016-2020 giao đầu kỳ theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh là 3.385,883 tỷ đồng, bao gồm: vốn cân đối theo tiêu chí, định mức là 2.585,883 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất là 650,0 tỷ đồng; thu xổ số kiến thiết là 150,0 tỷ đồng.

Trong kỳ, theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh, đã điều chỉnh, bổ sung tăng 686,028 tỷ đồng so với kế hoạch vốn giao đầu kỳ. Tổng vốn 5 năm 2016-2020 sau khi bổ sung là 4.071,911 tỷ đồng, bao gồm: vốn cân đối theo tiêu chí, định mức là 2.471,511 tỷ đồng (so với đầu kỳ giảm 114,372 tỷ đồng); thu tiền sử dụng đất là 1.427,4 tỷ đồng (tăng 777,4 tỷ đồng); thu xổ số kiến thiết là 173,0 tỷ đồng (tăng 23 tỷ đồng).

Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm đã giao trong giai đoạn 2016-2019 và năm 2020, tổng vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 đã giao là 3.868,893 tỷ đồng, giảm 203,018 tỷ đồng so với kế hoạch 5 năm, bao gồm: vốn cân đối theo tiêu chí, định mức là 2.214,867 tỷ đồng (giảm 256,644 tỷ đồng); thu tiền sử dụng đất là 1.498,027 tỷ đồng (tăng 70,627 tỷ đồng); thu xổ số kiến thiết là 155,999 tỷ đồng (giảm 17,001 tỷ đồng).

1.2. Vốn ngân sách tỉnh từ các nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên, sự nghiệp kinh tế... bổ sung cho dự án đầu tư công trong 5 năm 2016-2020 là 498,35 tỷ đồng.

2. Phương án điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020:

2.1. Điều chỉnh, bổ sung vốn 5 năm 2016-2020:

a) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn NSDP:

Năm 2020 là năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020, đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn 5 năm đúng bằng tổng vốn đã giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020, đồng thời điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 cho phù hợp với vốn đã phân bổ hằng năm, dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2020 và tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân trong năm 2020 của các chương trình, dự án.

Tổng vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung là 4.058.936,819 triệu đồng, giảm 12.973,636 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm đã giao, cụ thể như sau:

- Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức là 2.184.867,054 triệu đồng, giảm 286.644,045 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao (*điều chỉnh giảm để bằng đúng tổng vốn 5 năm đã giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020*).

- Vốn thu tiền sử dụng đất là 1.718.070,988 triệu đồng, tăng 290.671,409 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao, bao gồm:

+ Kế hoạch vốn hằng năm đã giao so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 tăng 70.627,282 triệu đồng.

+ Bổ sung tăng 220.044,127 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019 chuyển nguồn sang thanh toán năm 2020 vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 và năm 2020 (*thực hiện theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1747-TB/TU ngày 12 tháng 5 năm 2020*).

- Vốn thu xổ số kiến thiết là 155.998,777 triệu đồng, giảm 17.001,0 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao (*điều chỉnh giảm để bằng đúng tổng vốn 5 năm đã giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020*).

b) Bổ sung từ các nguồn vốn ngoài kế hoạch cho dự án:

Tổng vốn ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 bổ sung vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 và phân bổ chi tiết cho dự án là 91.081,0 triệu đồng, bao gồm: nguồn tiết kiệm chi thường xuyên là 15.000,0 triệu đồng; nguồn chi sự nghiệp y tế là 76.081,0 triệu đồng (*thực hiện theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1747-TB/TU ngày 12 tháng 5 năm 2020*).

2.2. Phương án điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020:

Căn cứ kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 từ tất cả các nguồn vốn sau điều chỉnh, bổ sung nêu trên; thực tế về vốn đã giao chi tiết hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 và dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2020, đề nghị:

a) Điều chỉnh giảm 366.784,897 triệu đồng kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 của 54 chương trình, dự án, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm 35.477,735 triệu đồng của 16 chương trình, dự án đã bố trí đủ vốn trong kế hoạch hằng năm nhưng so với kế hoạch 5 năm còn dư vốn.

- Điều chỉnh giảm 331.307,162 triệu đồng của 38 chương trình, dự án, bao gồm: giảm 29.718,297 triệu đồng của 21 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán (chưa đủ điều kiện bố trí dứt điểm vốn thanh toán khối lượng đã hoàn thành); giảm 301.588,865 triệu đồng của 17 chương trình, dự án do hằng năm không cân đối, bố trí được đủ vốn theo kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao và phân kỳ đầu tư theo tiến độ thực hiện.

b) Điều chỉnh và bổ sung tăng 444.892,261 triệu đồng cho 17 chương trình, dự án, bao gồm:

- Điều chỉnh và bổ sung tăng 249.306,863 triệu đồng cho 12 chương trình, dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao nhưng chưa bố trí đủ vốn theo tổng mức đầu tư được duyệt.

- Bổ sung danh mục và phân bổ 195.585,398 triệu đồng cho 5 dự án, gồm: thanh toán nợ XDCB cho 01 dự án là 40.585,398 triệu đồng; khởi công mới 04 dự án là 155.000,0 triệu đồng.

(Chi tiết phương án điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 có Phụ lục biểu số 01 kèm theo)

3. Bổ sung tăng 10.000,0 triệu đồng vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020, kế hoạch năm 2019 và phân bổ cho 05 dự án xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè, bãi sông đã thực hiện.

(Chi tiết về danh mục dự án, kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 và năm 2019 có Phụ lục biểu số 02 kèm theo)

4. Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư theo hình thức đối tác công tư đối với dự án theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 theo quy định của pháp luật về đầu tư công như Phụ lục biểu số 03 kèm theo.

5. Điều chỉnh và bổ sung kế hoạch vốn thanh toán năm 2020:

Để phù hợp với kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung tại mục 1 trên, đề nghị điều chỉnh và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 như sau:

5.1. Điều chỉnh và bổ sung kế hoạch vốn năm 2020:

a) Tổng vốn năm 2020 bổ sung tăng là 311.125,127 triệu đồng, bao gồm: vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 220.044,127 triệu đồng; vốn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 91.081,0 triệu đồng.

b) Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020:

Từ các nguồn vốn bổ sung tăng 311.125,127 triệu đồng nêu trên và nguồn điều chỉnh giảm 27.818,795 triệu đồng của 02 chương trình, dự án dự án dự vốn, 45.000,0 triệu đồng vốn kế hoạch năm 2020 chưa phân bổ chi tiết đầu năm, đề nghị điều chỉnh và phân bổ chi tiết như sau:

- Bổ sung tăng 16.302,723 triệu đồng để thanh toán nợ XDCB cho 02 dự án đã hoàn thành, quyết toán vốn đầu tư.

- Bổ sung tăng 182.641,199 triệu đồng cho 06 dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 nhưng chưa bố trí đủ vốn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành dự án; trong đó, vốn sự nghiệp y tế năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 76.081,0 triệu đồng phân bổ cho dự án “Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương”. Đồng thời điều chỉnh nguồn vốn của 01 dự án cho phù hợp với khả năng cân đối, bố trí các nguồn vốn năm 2020.

- Bổ sung và giao tăng vốn tiêu chí, định mức năm 2020 cho thị xã Kinh Môn là 30.000,0 triệu đồng để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu Dinh.

Yêu cầu UBND thị xã Kinh Môn chịu trách nhiệm phân bổ và thanh toán kinh phí bồi thường GPMB dự án xây dựng cầu Dinh theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, NSNN hiện hành.

- Số vốn còn lại 155.000,0 triệu đồng phân bổ chi tiết cho 04 dự án khởi công mới bổ sung vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau khi có quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

(Chi tiết về danh mục dự án, kế hoạch vốn năm 2020 đã giao và kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung có Phụ lục biểu số 04 kèm theo)

5.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020:

Điều chỉnh giảm 124.710,0 triệu đồng vốn đầu tư công kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020 của 06 dự án dự vốn (dự kiến khối lượng thực hiện đạt thấp hơn kế hoạch vốn giao) không có khả năng giải ngân trong năm 2020, để bổ sung tăng vốn thanh toán khối lượng hoàn thành cho 04 dự án.

(Chi tiết về danh mục dự án, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020 có Phụ lục biểu số 05 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, quyết định. *PCM*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu dự kỳ họp thứ 13 HĐND tỉnh khoá XVI;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Thư *z*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Tờ trình số **50** /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
	Tổng số		20.887.810,7	4.570.260,237	78.107,364	-286.644,045	290.671,409	-17.001,000	91.081,000	4.648.367,600	2.184.867,054	1.718.070,988	155.998,777	589.430,781
A	Các chương trình, dự án điều chỉnh kế hoạch vốn		11.330.383,6	2.090.950,294	78.107,364	-286.644,045	290.671,409	-17.001,000	91.081,000	2.169.057,658	780.205,238	898.917,077	93.124,059	396.811,284
A.1	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn		3.540.883,2	854.895,387	-366.784,897	-267.221,487	-59.385,234	-23.259,176	-16.919,000	488.110,490	208.354,569	118.032,755	78.524,883	83.198,284
I	Chương trình, dự án đư vốn		897.460,5	137.492,013	-35.477,735	-25.375,013	-9.623,020	-479,702		102.014,278	63.959,743	300,000	37.754,535	
1	Di chuyển lộ 471-E81 GPMB của Công ty Ken Mark - thành phố Hải Dương	51; 09/01/2007	961,0	132,433	-20,671	-20,671				111,762	111,762			
2	Đường gom ven Quốc lộ 5 (Km45-Km59)	3383; 16/8/2002	106.989,5	7.851,489	-1.254,065	-1.254,065				6.597,424	6.597,424			
3	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	3075, 28/10/2016	28.174,6	25.357,000	-5.491,457	-5.491,457				19.865,543	19.865,543			
4	Mở rộng, nâng cấp đường trục chính phường Chí Minh, thành phố Chí Linh (đoạn từ đường tránh QL37 đến đường Trần Quốc Chấn)	3813; 30/10/2019	12.260,3	14.900,000	-3.900,000	-3.900,000				11.000,000	11.000,000			
5	Xây dựng trạm bơm Phí Xá, huyện Thanh Miện (GPMB)	1460; 25/5/2009	148.992,0	2.366,970	-2.366,970	-2.366,970								
6	Cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống thủy lợi sau nhà máy nhiệt điện Phả Lại (GPMB)	1470, 25/5/2009; 1444, 27/4/2015; 1876, 18/5/2017	156.110,1	1.542,393	-1.542,393	-1.542,393								
7	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ của Trường THPT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	1630, 26/6/2015; 4888, 28/12/2018	20.645,2	13.645,142	-52,366			-52,366		13.592,776			13.592,776	
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Chí Linh, thành phố Chí Linh	2092; 29/7/2016	8.115,8	7.930,771	-29,204	-29,204				7.901,567	7.901,567			

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
9	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) của Trường THPT Đường An, huyện Bình Giang	2538; 19/9/2016	7.934,8	7.869,161	-252,161	-252,161				7.617,000	7.617,000			
10	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Hà Bắc, huyện Thanh Hà	3068; 28/10/2016	11.992,8	11.990,000	-427,241			-427,241		11.562,759			11.562,759	
11	Trường mầm non xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang	2134; 04/8/2016	14.902,2	12.599,095	-0,095			-0,095		12.599,000			12.599,000	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách	3484, 15/12/2010; 148, 13/01/2011; 2560, 21/9/2016	54.914,7	4.852,968	-852,968	-852,968				4.000,000	4.000,000			
13	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) (bao gồm cả khoản vay bổ sung)	2305, 17/8/2009; 1962, 27/5/2015	12.907,7	5.531,571	-605,691	-905,691	300,000			4.925,880	4.625,880	300,000		
14	Sở chỉ huy và cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương	4033, 30/10/2009; 4976, 16/12/2013	155.539,6	9.923,020	-9.923,020			-9.923,020						
15	Xử lý cấp bách các công trình đề điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	1400; 22/4/2019	156.000,000	6.000,000	-4.677,675	-4.677,675				1.322,325	1.322,325			
16	Đổi ứng dự án PPP		1.020,3	5.000,000	-4.081,758	-4.081,758				918,242	918,242			
II	Chương trình, dự án chưa bố trí đủ vốn trong giai đoạn 2016-2020		2.643.422,7	717.403,374	-331.307,162	-241.846,474	-49.762,214	-22.779,474	-16.919,000	386.096,212	144.394,825	117.732,755	40.770,348	83.198,284
II.1	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn (do chưa quyết toán)		682.325,1	85.347,789	-29.718,297	-27.807,848	-1.679,321	-231,128		55.629,492	40.650,285	4.989,770	9.989,437	
1	Đường tránh thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (Hạng mục: cầu An Thành)	4508, 25/12/2009; 1826, 19/8/2013	24.056,0	7.300,000	-500,000	-500,000				6.800,000	6.800,000			
2	Đường gom và đường ống cấp nước KCN Cẩm Điền - Lương Điền	3412; 25/9/2009	94.380,0	1.052,000	-596,762	-596,762				455,238	455,238			
3	Cải tạo tầng 1, 2 và nâng tầng 3 Nhà hiệu bộ Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch	140, 13/01/2011; 1286, 28/5/2015	3.662,5	2.312,830	-312,830	-312,830				2.000,000	2.000,000			
4	Trung tâm dạy nghề huyện Gia Lộc	2278; 09/8/2011	26.706,6	8.000,000	-1.070,909	-1.070,909				6.929,091	6.929,091			

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thành phố Hải Dương	2134; 23/9/2013	16.393,0	893,000	-893,000		-893,000							
6	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất cuối kỳ (2016-2020) tỉnh Hải Dương		2.855,1	2.855,074	-212,286		-212,286			2.642,788		2.642,788		
7	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất tỉnh Hải Dương	3090; 28/10/2016	3.245,6	2.921,017	-574,035		-574,035			2.346,982		2.346,982		
8	Khoa khám bệnh đa khoa và thăm dò chức năng cận lâm sàng của Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	1560; 16/6/2010	9.346,3	686,000	-686,000	-686,000								
9	Xây dựng Nhà khám bệnh và cận lâm sàng Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Giang	3478; 30/9/2008	14.272,0	2.272,000	-2.272,000	-2.272,000								
10	Xây dựng bệnh viện mới, Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1125, 23/4/2003; 4062, 07/11/2008; 2010, 12/7/2011	345.791,3	9.111,092	-8.111,092	-8.111,092				1.000,000	1.000,000			
11	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Chí Linh	2789; 07/10/2016	10.613,0	10.608,128	-231,128		-231,128			10.377,000	387,563		9.989,437	
12	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Mình tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách	1336; 26/5/2010	11.986,0	3.086,000	-1.886,000	-1.886,000				1.200,000	1.200,000			
13	Nhà bia nơi thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Hải Dương tại xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	3219; 24/11/2010	6.916,8	2.003,000	-1.524,607	-1.524,607				478,393	478,393			
14	Tu bổ tôn tạo khu di tích Đình Đầu, xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	3673, 27/12/2010; 1307, 27/5/2014	27.483,3	3.700,000	-1.200,000	-1.200,000				2.500,000	2.500,000			
15	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài chính cũ)	2308; 29/6/2006	18.672,0	936,000	-936,000	-936,000								
16	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 5 tầng UBND tỉnh Hải Dương	121; 15/01/2018	6.847,1	6.823,602	-323,602	-323,602				6.500,000	6.500,000			
17	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà làm việc 5 tầng của Công an tỉnh	4853, 27/11/2003; 3044, 28/8/2009; 4853, 27/11/2003	6.799,1	1.275,446	-1.275,446	-1.275,446								

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung					
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm				
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác	
18	Trạm bơm tăng áp phường Hoàng Tân cấp nước sạch cho các phường, xã khu vực Đông Bắc thị xã Chí Linh	2542; 18/8/2017	14.972,0	5.392,000	-1.992,000	-1.992,000					3.400,000	3.400,000			
19	Trạm bơm tăng áp xã Kim Giang cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Lương Điện, các xã nông thôn huyện Cẩm Giàng và khu vực lân cận	3856; 22/12/2016	15.863,9	5.711,000	-2.111,000	-2.111,000					3.600,000	3.600,000			
20	Hệ thống cấp nước sạch phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh	1294; 27/4/2014	10.423,4	3.967,000	-1.467,000	-1.467,000					2.500,000	2.500,000			
21	Hệ thống cấp nước sạch phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh	1295; 27/4/2017	11.040,1	4.442,600	-1.542,600	-1.542,600					2.900,000	2.900,000			
II.2	Chương trình, dự án không cần đối được các nguồn vốn và dự án bố trí vốn theo tiến độ thực hiện		1.961.097,6	632.055,585	-301.588,865	-214.038,626	-48.082,893	-22.548,346	-16.919,000	330.466,720	103.744,540	112.742,985	30.780,911	83.198,284	
1	Nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 5 và đường 390	3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 1280, 18/5/2016	1.045.686,0	42.733,800	-42.733,800	-42.733,800									
2	Nhà lớp học 12 phòng của Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp dạy nghề Thanh Hà (giai đoạn 1)	222; 22/01/2010	13.561,2	8.551,753	-8.551,753	-8.551,753									
3	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng của Trung tâm Giáo dục thường xuyên Ninh Giang, huyện Ninh Giang	1343; 23/5/2016	8.000,0	7.200,000	-7.200,000	-7.200,000									
4	Xây dựng, cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Nam Sách	1532; 13/6/2016	8.241,5	7.417,387	-7.417,387			-7.417,387							
5	Xây dựng nhà điều dưỡng và phục hồi chức năng thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hải Dương		5.389,2	4.850,286	-4.850,286			-4.850,286							
6	Đầu tư mua sắm thiết bị y tế cho Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hải Dương	3053; 28/10/2016	8.809,3	7.925,424	-7.925,424			-7.925,424							

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
7	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát nhân dân TPHD (Xây dựng mới nhà làm việc + luyện tập và cải tạo một số công trình phụ trợ của Trung tâm Nghệ thuật và Tổ chức biểu diễn)	3110; 31/10/2016	12.527,6	13.141,800	-13.141,800	-13.141,800								
8	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045		42.000,0	30.000,000	-20.000,000	-20.000,000				10.000,000	10.000,000			
9	Xây dựng nhà hồi sức cấp cứu, khoa dược - Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Miện	2568; 21/8/2017	7.621,0	8.096,400	-2.591,322	-2.591,322				5.505,078	5.505,078			
10	Nhà khoa cận lâm sàng và khoa dược; khoa khám bệnh, hồi sức cấp cứu, khoa liên chuyên khoa, khoa nhi, hành chính của Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Lộc	3109; 31/10/2016	44.421,1	13.616,630	-8.185,513	-616,630		-7.568,883		5.431,117	5.000,000		431,117	
11	Xây dựng, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	4008; 31/10/2018	21.961,5	19.765,392	-18.998,894	-18.998,894				766,498	766,498			
12	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88.409,2	79.568,240	-15.000,000			-15.000,000		64.568,240	37.234,547	27.333,693		
13	Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020		159.000,0	159.000,000	-26.079,022	-34.250,897	2.958,241	5.213,634		132.920,978	39.310,553	63.260,631	30.349,794	
14	Đầu tư xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5		30.000,0	27.000,000	-26.316,000	-27.000,000	684,000			684,000		684,000		
15	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300.000,0	140.000,000	-36.038,339		-19.119,339		-16.919,000	103.961,661		20.880,661		83.081,000
16	Vốn dự phòng 10%			34.607,530	-34.607,530	-34.607,530				6.629,148	5.927,864	584,000		117,284
17	Chuẩn bị đầu tư		165.470,0	28.580,943	-21.951,795	-4.346,000	-17.605,795							
A.2	Điều chỉnh, bổ sung tăng vốn (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)		7.789.500,4	1.236.054,907	444.892,261	-19.422,558	350.056,643	6.258,176	108.000,000	1.680.947,168	571.850,670	780.884,322	14.599,176	313.613,000
I	Chương trình, dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)		7.177.430,3	1.236.054,907	249.306,863	-30.319,558	180.368,245	6.258,176	93.000,000	1.485.361,770	560.953,670	611.195,924	14.599,176	298.613,000
L1	Dự án đã quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn		34.410,5	30.769,464	717,325		717,325			31.486,789	30.769,464	717,325		
1	Xây dựng Nhà làm việc Trưởng Chính trị tỉnh	2557; 06/10/2015	34.410,5	30.769,464	717,325		717,325			31.486,789	30.769,464	717,325		

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
			7.143.019,8	1.205.285,443	248.589,538	-30.319,558	179.650,920	6.258,176	93.000,000	1.453.874,981	530.184,206	610.478,599	14.599,176	298.613,000
I.2	Chương trình, dự án khác													
i	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200.553,5	50.000,000	36.710,000	-22.755,000	37.475,000		21.990,000	86.710,000	17.245,000	47.475,000		21.990,000
2	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương)	3810; 30/10/2019	54.211,299	30.000,000		-20.000,000	20.000,000			30.000,000	10.000,000	20.000,000		
3	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46.881,000	10.000,000	5.000,000		5.000,000			15.000,000	10.000,000	5.000,000		
4	Tu bổ bờ kênh trục Bắc Hưng Hải; nạo vét kênh dẫn và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020	836; 31/3/2016	220.000,0	198.000,000	0,000	-4.506,382	4.506,382			198.000,000	93.493,618	104.506,382		
5	Kỷ túc xá học sinh của Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	1455; 07/6/2016	27.622,9	24.860,641		-4.860,641		4.860,641		24.860,641	20.000,000		4.860,641	
6	Nhà khoa ngoại, khoa sản và khoa nội của Bệnh viện Đa khoa Cẩm Giàng	3066; 28/10/2016	18.219,8	16.397,852	0,000	-1.397,852		1.397,852		16.397,852	15.000,000		1.397,852	
7	Nhà khoa khám bệnh cận lâm sàng, hồi sức cấp cứu, phòng mổ và khoa nhi của Bệnh viện Đa khoa huyện Tứ Kỳ	3069; 28/10/2016	19.904,4	17.913,950	0,000	0,317		-0,317		17.913,950	9.573,267		8.340,683	
8	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1.407.966,8	305.613,000	58.679,538		7.669,538		51.010,000	364.292,538	37.200,000	70.469,538		256.623,000
9	Cầu Mây - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347.660,0	250.000,000	25.000,000		5.000,000		20.000,000	275.000,000	91.972,321	163.027,679		20.000,000
10	Đề án "Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030"	20/2019/NQ-HĐND; 12/12/2019	4.800,000	100.000,000	100.000,000		100.000,000			200.000,000		200.000,000		
11	Trả nợ vốn vay NHPT			202.500,000	23.200,000	23.200,000				225.700,000	225.700,000			
II	Dự án bổ sung mới		612.070,1		195.585,398	10.897,000	169.688,398		15.000,000	195.585,398	10.897,000	169.688,398		15.000,000
II.1	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán		341.812,1		40.585,398	10.000,000	30.585,398			40.585,398	10.000,000	30.585,398		

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm				
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác	
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1) (còn thiếu 75.585,398 triệu đồng)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341.812,1		40.585,398	10.000,000	30.585,398				40.585,398	10.000,000	30.585,398		
II.2	Dự án khởi công mới		270.258,0		155.000,000	897,000	139.103,000		15.000,000		155.000,000	897,000	139.103,000		15.000,000
1	Xây dựng tuyến đường dẫn cầu Quang Thanh, huyện Thanh Hà	04/NQ- HĐND; 14/7/2020	195.654,0		110.000,000	897,000	109.103,000				110.000,000	897,000	109.103,000		
2	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng phía trước Đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	05/NQ- HĐND; 14/7/2020	21.185,5		20.000,000		20.000,000				20.000,000		20.000,000		
3	Khu công viên cây xanh thuộc khu hành chính tập trung ⁽¹⁾		20.000,0		15.000,000				15.000,000		15.000,000				15.000,000
4	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hải Dương	4428; 19/12/2019	33.418,5		10.000,000		10.000,000				10.000,000		10.000,000		
B	Các chương trình, dự án không điều chỉnh kế hoạch vốn		9.557.427,1	2.479.309,943							2.479.309,942	1.404.661,816	819.153,911	62.874,718	192.619,497

Ghi chú:

(1) - Dự án đã được UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Tờ trình số 42/TT-UBND ngày 22/7/2020.

**BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 VÀO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số **50** /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020	Kế hoạch vốn năm 2019
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		
	Tổng số		30.000,0	10.000,0	10.000,0
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	4459; 20/12/2019	9.000,0	3.000,0	3.000,0
2	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	4460; 20/12/2019	6.000,0	2.000,0	2.000,0
3	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4461; 20/12/2019	6.000,0	2.000,0	2.000,0
4	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Thất Hùng và bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4457; 20/12/2019	5.500,0	1.900,0	1.900,0
5	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Kinh Môn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4458; 20/12/2019	3.500,0	1.100,0	1.100,0

Ghi chú: 05 dự án trên đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất bổ sung và phân bổ chi tiết vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công năm 2019 tại văn bản số 263/HĐND-VP ngày 31/12/2019; UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch 5 năm 2016-2020 và năm 2019 tại Quyết định số 4773/QĐ-UBND ngày 31/12/2019.

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020 DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (DỰ ÁN BT)

(Kèm theo Tờ trình số **50** /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020				
			Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó, vốn nhà nước đóng góp		Vốn nhà nước đóng góp		Vốn nhà đầu tư tự huy động		Vốn nhà nước đóng góp		Vốn nhà đầu tư tự huy động	
					Tổng số		Tr.đó, vốn góp từ quỹ đất				Tổng số	Tr.đó, vốn góp từ quỹ đất		Tổng số
	Tổng số			211.686,0	211.686,0	211.686,0	89.671,0	89.671,0	89.671,0	122.015,0	122.015,0	122.015,0		
1	Xây dựng đường 62m kéo dài (giai đoạn 2) đoạn từ Khu đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương đi huyện Gia Lộc	2014-2019	569, 19/3/2012 ; 1241, 17/6/2013	211.686,0	211.686,0	211.686,0	89.671,0	89.671,0	89.671,0	122.015,0	122.015,0	122.015,0		

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)
(Kèm theo Tờ trình số **50** /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao			Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
	Tổng số		7.533.495	463.995,482	229.539,124	234.456,358		311.125,127		220.044,127	91.081,000	775.120,609	229.539,124	454.500,485	91.081,000
I	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn			87.818,795	25.897,000	61.921,795		-72.818,795	-10.897,000	-61.921,795		15.000,000	15.000,000		
1	Vốn chưa phân bổ chi tiết đầu năm			45.000,000		45.000,000		-45.000,000		-45.000,000					
2	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045			20.000,000	20.000,000			-10.000,000	-10.000,000			10.000,000	10.000,000		
3	Chuẩn bị đầu tư			22.818,795	5.897,000	16.921,795		-17.818,795	-897,000	-16.921,795		5.000,000	5.000,000		
II	Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)		7.533.495	376.176,687	203.642,124	172.534,563		383.943,922	10.897,000	281.965,922	91.081,000	760.120,609	214.539,124	454.500,485	91.081,000
II.1	Dự án đã quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn		376.223	769,464	769,464			16.302,723		16.302,723		17.072,187	769,464	16.302,723	
1	Xây dựng Nhà làm việc Trường Chính trị tỉnh	2557; 06/10/2015	34.411	769,464	769,464			717,325		717,325		1.486,789	769,464	717,325	
2	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341.812					15.585,398		15.585,398		15.585,398		15.585,398	
II.2	Dự án khác		7.157.273	311.592,884	139.058,321	172.534,563		182.641,199	-20.000,000	126.560,199	76.081,000	494.234,083	119.058,321	299.094,762	76.081,000
1	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300.000	40.000,000		40.000,000		56.961,661		-19.119,339	76.081,000	96.961,661		20.880,661	76.081,000
2	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200.554	41.847,545	10.000,000	31.847,545		8.010,000		8.010,000		49.857,545	10.000,000	39.857,545	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao			Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
3	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46.881	9.556,000	9.556,000			5.000,000		5.000,000		14.556,000	9.556,000	5.000,000	
4	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn I)	1004; 29/3/2017	1.407.967					7.669,538		7.669,538		7.669,538		7.669,538	
5	Cầu Mây - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347.660	90.659,339	89.972,321	687,018		5.000,000		5.000,000		95.659,339	89.972,321	5.687,018	
6	Đề án "Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030"	20/2019/NQ- HĐND; 12/12/2019	4.800.000	100.000,000		100.000,000		100.000,000		100.000,000		200.000,000		200.000,000	
7	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương)	3810; 30/10/2019	54.211	29.530,000	29.530,000				-20.000,000	20.000,000		29.530,000	9.530,000	20.000,000	
II.3	Phân bổ chi tiết sau (sau khi có quyết định đầu tư, phân bổ cho các dự án khởi công mới theo KH 5 năm 2016-2020)							155.000,000	897,000	139.103,000	15.000,000	155.000,000	897,000	139.103,000	15.000,000
1	Vốn kế hoạch năm 2020							10.897,000	897,000	10.000,000		10.897,000	897,000	10.000,000	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao			Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020			Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
2	Vốn tăng thu ngân sách năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020							129.103,000		129.103,000		129.103,000		129.103,000	
3	Vốn tiết kiệm chi ngân sách năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020							15.000,000			15.000,000	15.000,000			15.000,000
	Dự kiến:														
1	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng phía trước Đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	05/NQ- HĐND; 14/7/2020	21.185					20.000,000		20.000,000		20.000,000		20.000,000	
2	Xây dựng tuyến đường dẫn cầu Quang Thanh, huyện Thanh Hà	04/NQ- HĐND; 14/7/2020	195.654					110.000,000	897,000	109.103,000		110.000,000	897,000	109.103,000	
3	Khu công viên cây xanh thuộc khu hành chính tập trung		20.000					15.000,000			15.000,000	15.000,000			15.000,000
4	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hải Dương	4428; 19/12/2019	33.418					10.000,000		10.000,000		10.000,000		10.000,000	
II.4	Thị xã Kinh Môn			63.814,339	63.814,339			30.000,000	30.000,000			93.814,339	93.814,339		

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NĂM 2019 KÉO DÀI SANG NĂM 2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Tờ trình số **50** /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020			Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn năm 2019 kéo dài sang 2020			Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020 sau điều chỉnh					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
	Tổng số		2.934.537,7	142.444,985	18.788,802	27.617,844	96.038,339					142.444,985	18.788,802	27.617,844	96.038,339
I	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn		636.545,3	142.444,985	18.788,802	27.617,844	96.038,339	-124.710,000	-16.710,000	-15.000,000	-93.000,000	17.734,985	2.078,802	12.617,844	3.038,339
1	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045		42.000,0	10.000,000	10.000,000			-10.000,000	-10.000,000						
2	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	3075, 28/10/2016	28.174,6	2.797,388	2.797,388			-1.298,823	-1.298,823			1.498,565	1.498,565		
3	Xây dựng, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	4008; 31/10/2018	21.961,5	733,502	733,502			-733,502	-733,502						
4	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88.409,2	27.617,844		27.617,844		-15.000,000		-15.000,000		12.617,844		12.617,844	
5	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300.000,0	96.038,339			96.038,339	-93.000,000			-93.000,000	3.038,339			3.038,339
6	Xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	1400; 22/4/2019	156.000,0	5.257,912	5.257,912			-4.677,675	-4.677,675			580,237	580,237		
II	Điều chỉnh bổ sung tăng vốn		2.297.992,4					124.710,000	16.710,000	15.000,000	93.000,000	124.710,000	16.710,000	15.000,000	93.000,000
1	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200.553,5					28.700,000	6.710,000		21.990,000	28.700,000	6.710,000		21.990,000

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020			Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn năm 2019 kéo dài sang 2020			Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020 sau điều chỉnh					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
2	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1.407.966,8					51.010,000			51.010,000	51.010,000			51.010,000
3	Cầu Máy - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347.660,0					20.000,000			20.000,000	20.000,000			20.000,000
4	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341.812,1					25.000,000	10.000,000	15.000,000		25.000,000	10.000,000	15.000,000	